TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **111**/2018/HNGĐ–ST
Ngày: 13 - 11 - 2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Oanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Vũ Thị Lan**.

Bà **Trần Thị Kim Tân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Sương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Ông **Nguyễn Văn Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2018/QĐST-HPT ngày 24/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn C** - sinh năm: 1978.
ĐKTT: ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh Hậu Giang.
Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã F, huyện G, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Thị K** - sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C, chị K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018, trong quá trình làm việc, nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:* Trên cơ sở tự nguyện, anh và chị Thị K kết hôn và đăng ký tại UBND xã D, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó anh chưa có vợ, chị K chưa có chồng.

Quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc, thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, nên anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2008 đến nay, mỗi người đều có cuộc

sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên Phạm Hoàng Đăng T, sinh ngày 03/4/2007, từ trước đến nay cháu sinh sống với anh. Nay ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu chị Kiều cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình làm việc, bị đơn chị Thị K:* Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập chị K nhiều lần, nhưng chị K vẫn vắng mặt nên không có lời khai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, anh Phạm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, chị K tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C, chị Thị K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006, tại UBND xã D, huyện X, tỉnh Đồng Nai, theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh C nhận thấy: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không có hạnh phúc, thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, nên anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2008 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai 12/9/2018, cha mẹ chị K là ông Thổ M, bà Lê Thị H thống nhất theo lời trình bày của anh C về điều kiện kết hôn giữa chị K và anh C, về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện nay chị K đi làm thành phố, đến thứ 7, chủ nhật hàng tuần về thăm ông bà tại ấp B, xã D; ông M, bà H có báo cho chị K biết việc anh C đã nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án Xuân Lộc, nhưng chị K chưa sắp xếp được để về làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh C, chị K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, cháu T từ trước đến nay ở với anh C và có nguyện vọng ở với cha, nên giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Trong vụ kiện này, chị K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng chị K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không có lời khai, nếu sau này chị K có yêu cầu về chia tài sản chung thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh C phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát: - Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh C thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; chị K không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C.

Anh Phạm Văn C được ly hôn với chị Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Đăng T, sinh ngày 03/4/2007, cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn C phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003195 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Anh Phạm Văn C, chị Thị K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Xuân Lộc.
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc.
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Oanh